

Số: 837/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ
Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 39/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động có hiệu lực ngày 01/7/2016;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và quan trắc môi trường có hiệu lực ngày 01/7/2016;

Căn cứ thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý lao động và sức khỏe người lao động;

Căn cứ thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 TT quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở công lập;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ Văn bản số 1224/ĐLTKV-KH ngày 30/5/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ quyết định số 777/QĐ-ĐN5 ngày 31/5/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;

Căn cứ Tờ trình ngày 06/6/2024 của Phòng KTAT về việc thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư và Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024 với nội dung như sau:

1. Giá trị dự toán: **20.566.160** (Bằng chữ: Hai mươi triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi đồng). Giá trị hợp đồng đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan, các khoản chi phí đi lại, phụ cấp ăn ca để thực hiện quan trắc môi trường lao động. Chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2024.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Quy định lựa chọn nhà cung cấp trong Tổng công ty Điện lực – TKV số 353/QĐ-ĐLTKV.

4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 6/2024.

5. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Một giai đoạn một túi hồ sơ

6. Loại hợp đồng: Trọn gói.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

8. Địa điểm thực hiện: Tại trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5- TKV, số 10 đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

9. Nội dung công việc chi tiết như Hồ sơ yêu cầu kèm theo.

Điều 2: Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024 để ký kết hợp đồng đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng KTAT thực hiện giám sát, nghiệm thu công tác thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024 đúng theo quy định hiện hành; Phân xưởng VH-SC và Phòng TCHC có trách nhiệm phối hợp với phòng KTAT và nhà cung cấp thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Phân xưởng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Website TKV (Để đăng tải);
- Trang Website dienluctkv.vn (Để đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC, TCKT, KTAT, KHĐTVT (P04)



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ GÓI DỊCH VỤ:

Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024

(Kèm theo QĐ số 737/QĐ-ĐN5 ngày 12/6/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

Stt	Nội dung công việc	Tổng giá trị trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT 10% (VNĐ)	Thành tiền sau thuế (VNĐ)
1	Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024	18.696.509	1.869.651	20.566.160

(Bằng chữ: Hai mươi triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi đồng).

PHỤ LỤC 2. BẢNG PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP
Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024
(Kèm theo QĐ số 13/HQĐ-ĐN5 ngày 12/6/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

STT	Tên gói dịch vụ	Gía trị gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp							
1	Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024	20.566.160	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024	Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Quy định lựa chọn nhà cung cấp trong Tổng công ty Điện lực – TKV số 353/QĐ- ĐLTKV.	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 6/2024	Tron gói	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

PHỤ LỤC 3: DỰ TOÁN CHI PHÍ
V/V THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NĂM 2024
(Kèm theo QĐ số 837/QĐ-ĐN5 ngày 22/6/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

1. NƯỚC SINH HOẠT

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Độ pH	Mẫu	2	56.000	112.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
2	Hàm lượng Ni trat (NO3-)	Mẫu	2	140.000	280.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
3	Hàm lượng Nitrit (NO2-)	Mẫu	2	100.000	200.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
4	Amoni	Mẫu	2	98.000	196.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
5	Hàm lượng Sunfat (SO4)	Mẫu	2	90.000	180.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
6	Colorua	Mẫu	2	70.000	140.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
7	Độ cứng toàn phần	Mẫu	2	80.000	160.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
8	Hàm lượng Hg	Mẫu	2	180.000	360.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
9	Hàm lượng Asen	Mẫu	2	150.000	300.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
10	Hàm lượng các kim loại (trừ thủy ngân và asen)	Mẫu	2	130.000	260.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
11	Hàm lượng chất hữu cơ	Mẫu	2	84.000	168.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
12	Hàm lượng xyanua	Mẫu	2	120.000	240.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
13	E.coli	Mẫu	2	112.000	224.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
14	Tổng số Coliform	Mẫu	2	112.000	224.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
15	Mùi vị	Mẫu	2	14.000	28.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
16	Màu sắc	Mẫu	2	70.000	140.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
Tổng tiền (1)					3.212.000	

2. ĐÁNH GIÁ TÂM SINH LÝ LAO ĐỘNG VÀ ECGONOMY

1	Đo kích thước Ecgonomy cơ bản trong lao động	chỉ tiêu	3	18.000	54.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
2	Đo kích thước Ecgonomy cơ bản trong vị trí lao động	người	20	18.000	360.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC
3	Đánh giá tư thế lao động theo phương pháp OWAS	Mẫu	5	70.000	350.000	Theo thông tư 240/2016/TT-BTC

STT	Vị trí đo kiểm	Vi khí hậu (Nhiệt độ, ẩm độ, vận tốc gió)	Bức xạ nhiệt	Cường độ ánh sáng	Cường độ tiếng ồn	Độ rung	Điện từ trường	Bụi tổng lơ lửng	Hơi khí độc CO2	Hơi khí độc SO2	Hơi khí độc CO	Hơi khí độc O3
11	Buồng tua bin H1	-	-	-	1	1	-	-	1	1	1	1
12	Buồng tua bin H2	-	-	-	1	1	-	-	1	1	1	1
13	Cửa nhận nước	1	1	1	-	-	1	-	-	-	-	-
14	Đập tràn nhà máy	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Xưởng cơ khí	1	-	1	-	1	1	1	1	1	1	1
16	Xưởng điện	1	-	1	-	1	1	1	1	1	1	1
17	Trạm phân phối	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-
18	Khu nhà ở CBCNV	1	1	1	1	1	1	1	1	-	-	-
	Tổng số mẫu	15	12	13	11	12	13	10	13	10	12	10
	Đơn giá	56.000	56.000	18.000	35.000	42.000	56.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
	Thành tiền	840.000	672.000	234.000	385.000	504.000	728.000	1.400.000	1.820.000	1.400.000	1.680.000	1.400.000
	Tổng tiền (4)											11.063.000
	Tổng giá trị trước thuế (1+2+3+4)											18.696.509
	Thuế GTGT 10%											1.869.651
	Tổng giá trị sau thuế											20.566.160

(Bảng chữ: Hai mươi triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi đồng).

Đơn giá lấy Theo thông tư 240/2016/TT-BTC.

PHỤ LỤC 04
NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP
Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024

(Kèm theo QĐ số 834/QĐ-ĐN5 ngày 12/6/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	6
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ	6
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	6
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại.....	6
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	7
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất.....	7
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất	11
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.....	12
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất.....	12
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	7
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp.....	13
Mục 11. Hợp đồng	14
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	15
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU.....	18

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024.
 2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024;
 3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 4. Loại hợp đồng: Trọn gói
- Địa điểm thực hiện: Tại trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5- TKV, số 10 đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
5. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - Giấy công bố chức năng quan trắc môi trường lao động;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực);
 - Giấy công bố chức năng quan trắc môi trường lao động (Bản sao có chứng thực);
 - 03 Kỹ sư kỹ thuật môi trường và có chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao động (*các bằng cấp, chứng chỉ phải được sao y chứng thực*);
 - Báo cáo tài chính 03 năm 2021, 2022, 2023 mà nhà cung cấp đã nộp cho cơ quan thuế bao gồm cả thuyết minh báo cáo tài chính của từng năm. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc xác nhận không nợ đọng thuế của năm tài chính gần nhất (năm 2023) hoặc bản kê khai thuế điện tử và chứng từ thanh toán thuế cho năm 2023.
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng về cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường lao động có giá trị tối thiểu 11.000.000 đồng; hợp đồng Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn tài chính theo quy định (bản sao có xác nhận của nhà cung cấp).

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên

quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.

2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Tại trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5- TKV, số 10 đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **14 giờ 00 phút ngày 17 tháng 6 năm 2024**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **14 giờ 00 phút ngày 17 tháng 6 năm 2024**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Trường hợp nộp qua email: Hồ sơ đề xuất tổng hợp vào 01 Folder gửi đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và tochuyengiadm5@gmail.com. không muộn hơn **14 giờ 00 phút ngày 17 tháng 6 năm 2024**.

3. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

4. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên

mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4.

ánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:
- + Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).
- + Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn hoặc bằng đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ
 Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:
 Tên gói: Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024;
 Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ.

1. NƯỚC SINH HOẠT

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1	Độ pH	Mẫu	2
2	Hàm lượng Ni trat (NO3-)	Mẫu	2
3	Hàm lượng Nitrit (NO2-)	Mẫu	2
4	Amoni	Mẫu	2
5	Hàm lượng Sunfat (SO4)	Mẫu	2
6	Colorua	Mẫu	2
7	Độ cứng toàn phần	Mẫu	2
8	Hàm lượng Hg	Mẫu	2
9	Hàm lượng Asen	Mẫu	2
10	Hàm lượng các kim loại (trừ thủy ngân và asen)	Mẫu	2
11	Hàm lượng chất hữu cơ	Mẫu	2
12	Hàm lượng xyanua	Mẫu	2
13	E.coli	Mẫu	2
14	Tổng số Coliform	Mẫu	2
15	Mùi vị	Mẫu	2
16	Màu sắc	Mẫu	2

2. ĐÁNH GIÁ TÂM SINH LÝ LAO ĐỘNG VÀ ECGONOMY

1	Đo kích thước Ecgonomy cơ bản trong lao động	chỉ tiêu	3
2	Đo kích thước Ecgonomy cơ bản trong vị trí lao động	người	20
3	Đánh giá tư thế lao động theo phương pháp OWAS	Mẫu	5

3. CÁC CHI PHÍ KHÁC

1	Phụ cấp lưu trú		
2	Phụ cấp phòng nghỉ		
3	Phụ cấp xăng xe đi lại vận chuyển mẫu (0,2lít/km)		

4.MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, VI KHÍ HẬU

STT	Vị trí đo kiểm	Vi khí hậu (Nhiệt độ, ẩm độ, vận tốc gió)	Bức xạ nhiệt	Cường độ ánh sáng	Cường độ tiếng ồn	Độ rung	Điện từ trường	Bụi tổng lơ lửng	Hơi khí độc CO2	Hơi khí độc SO2	Hơi khí độc CO	Hơi khí độc O3
1	Phòng họp (sàn 251)	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	-
2	Phòng ốc quy	1	1	-	-	-	-	-	1	1	1	1
3	Hành lan thân đập (Tầng 2, cao trình 230)	1	1	1	-	-	-	-	1	1	1	-
4	Giữa phòng ĐKTT	1	-	1	1	1	1	1	1	-	1	1
5	Giữa gian máy	1	1	1	1	1	1	1	-	-	-	-
6	Sàn 229	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
7	Sàn 224	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
8	Sàn 219	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
9	Phòng trực đập tràn	1	1	1	1	-	1	-	-	-	-	-
10	Buồng trực máy LCU	1	1	1	1	1	1	1	1	-	1	1
11	Buồng tua bin H1	-	-	-	1	1	-	-	1	1	1	1
12	Buồng tua bin H2	-	-	-	1	1	-	-	1	1	1	1
13	Cửa nhận nước	1	1	1	-	-	1	-	-	-	-	-
14	Đập tràn nhà máy	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Xưởng cơ khí	1	-	1	-	1	1	1	1	1	1	1
16	Xưởng điện	1	-	1	-	1	1	1	1	1	1	1

STT	Vị trí đo kiểm	Vi khí hậu (Nhiệt độ, ẩm độ, vận tốc gió)	Bức xạ nhiệt	Cường độ ánh sáng	Cường độ tiếng ồn	Độ rung	Điện từ trường	Bụi tổng lơ lửng	Hơi khí độc CO2	Hơi khí độc SO2	Hơi khí độc CO	Hơi khí độc O3
17	Trạm phân phối	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-
18	Khu nhà ở CBCNV	1	1	1	1	1	1	1	1	-	-	-
Tổng số mẫu		15	12	13	11	12	13	10	13	10	12	10

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên Nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ..... [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

1. NƯỚC SINH HOẠT

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành thiên (đồng)	Ghi chú
1	Độ pH	Mẫu	2			
2	Hàm lượng Ni trat (NO3-)	Mẫu	2			
3	Hàm lượng Nitrit (NO2-)	Mẫu	2			
4	Amoni	Mẫu	2			
5	Hàm lượng Sunfat (SO4)	Mẫu	2			
6	Colorua	Mẫu	2			
7	Độ cứng toàn phần	Mẫu	2			
8	Hàm lượng Hg	Mẫu	2			
9	Hàm lượng Asen	Mẫu	2			
10	Hàm lượng các kim loại (trừ thủy ngân và asen)	Mẫu	2			
11	Hàm lượng chất hữu cơ	Mẫu	2			
12	Hàm lượng xyanua	Mẫu	2			
13	E.coli	Mẫu	2			
14	Tổng số Coliform	Mẫu	2			
15	Mùi vị	Mẫu	2			
16	Màu sắc	Mẫu	2			
Tổng tiền (1)						
2. ĐÁNH GIÁ TÂM SINH LÝ LAO ĐỘNG VÀ ECNGONOMY						
1	Đo kích thước Ecngonomy cơ bản trong lao động	chỉ tiêu	3			
2	Đo kích thước Ecngonomy cơ bản trong vị trí lao	người	20			

STT	Vị trí đo kiểm	Vi khí hậu (Nhiệt độ, ẩm độ, vận tốc gió)	Bức xạ nhiệt	Cường độ ánh sáng	Cường độ tiếng ồn	Độ rung	Điện từ trường	Bụi tổng lơ lửng	Hơi khí độc CO ₂	Hơi khí độc SO ₂	Hơi khí độc CO	Hơi khí độc O ₃
11	Buồng tua bin H1	-	-	-	1	1	-	-	1	1	1	1
12	Buồng tua bin H2	-	-	-	1	1	-	-	1	1	1	1
13	Cửa nhận nước	1	1	1	-	-	1	-	-	-	-	-
14	Đập tràn nhà máy	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Xưởng cơ khí	1	-	1	-	1	1	1	1	1	1	1
16	Xưởng điện	1	-	1	-	1	1	1	1	1	1	1
17	Trạm phân phối	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-
18	Khu nhà ở CBCNV	1	1	1	1	1	1	1	1	-	-	-
Tổng số mẫu		15	12	13	11	12	13	10	13	10	12	10
Đơn giá												
Thành tiền												
Tổng tiền (4)												
Tổng giá trị trước thuế (1+2+3+4)												
Thuế GTGT 10%												
Tổng giá trị sau thuế												

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm tham quan, du lịch:
2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:
3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
4. Thanh toán:
5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐSXKD-ĐN5

V/v Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 39/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động có hiệu lực ngày 01/7/2016;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và quan trắc môi trường có hiệu lực ngày 01/7/2016;

Căn cứ thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý lao động và sức khỏe người lao động;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /6/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán chi phí thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /6/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Đại diện: Ông **TRẦN VĂN TUẤN** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại: 063.976 888

Mã số thuế: 0104297034 – 007

Tài khoản: 1020831973 - tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bảo Lộc.

Bên B: CÔNG TY CP TRUNG TÂM DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Số Tài khoản:

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024 với nội dung công việc như phụ lục kèm theo Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng bao gồm cả phụ lục kèm theo;
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
3. Biên bản thương thảo ;
2. Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp.
3. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

– Bên A chịu trách nhiệm cử người giám sát Bên B trong quá trình thực hiện lấy mẫu, đo kiểm quan trắc theo đúng nội dung công việc của phụ lục Hợp đồng này.

– Bên A có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện lấy mẫu, đo kiểm qua trắc môi trường lao động năm 2024.

– Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng theo quy định tại Điều 3 cho Bên B.

- Bên A được quyền từ chối nghiệm thu khi công việc Bên B thực hiện không đạt yêu cầu quy định của hợp đồng.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B :

+ Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

+ Chậm tiến độ hoàn thành công việc theo hợp đồng quá 8 ngày so với quy định của hợp đồng mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

+ Giao cho Nhà thầu phụ dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện toàn bộ công việc của hợp đồng này mà không được sự chấp thuận của Bên A.

Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho nhà thầu trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý, Bên B có nghĩa vụ hoàn trả mọi khoản tiền đã nhận của Bên A (nếu có).

- Cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến công việc để Bên B thực hiện theo hợp đồng.

- Yêu cầu sửa đổi bổ sung sản phẩm mà Bên B thực hiện không đảm bảo chất lượng... Mọi chi phí, kinh phí sửa đổi do Bên B chịu.

- Yêu cầu Bên B phải sử dụng thiết bị, máy móc đạt chuẩn theo pháp luật hiện hành.

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại **Điều 5** của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

– Bên B thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024 cho Bên A phải đảm bảo chất lượng, số lượng đúng theo nội dung công việc như phụ lục đính kèm hợp đồng này và theo đúng pháp luật hiện hành. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc lấy mẫu, đo kiểm qua trắc môi trường lao

động, Bên B chịu trách nhiệm công bố kết quả đo kiểm quan trắc cho Bên A theo đúng quy định.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao cho đơn vị khác thực hiện hợp đồng. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B phải đảm bảo sự kết hợp giữa các bên liên quan để đảm bảo công việc đúng kỹ thuật và đúng tiến độ.

- Tự bảo quản, quản lý các trang thiết bị, máy móc, vật tư mang đến thi công. Khi ra vào nhà máy phải báo bảo vệ an ninh để theo dõi.

- Cung cấp đầy đủ danh sách và chứng minh thư nhân dân photo của các công nhân kỹ thuật thi công cho Bên A kiểm soát.

- Chấp hành các quy định về trật tự an ninh theo quy định.

- Bên B có nghĩa vụ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và chi trả phí bảo hiểm tai nạn lao động cho công nhân làm việc của Bên B theo quy định của pháp luật. Công nhân khi thực hiện công việc yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc về trang bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, giày, ủng....).

- Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình lấy mẫu.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba có liên quan do vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm, Bên B phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường, khắc phục cho tất cả vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng của Bên B. Trường hợp Bên B từ chối bồi thường hoặc khắc phục vi phạm không đặt yêu cầu thì Bên A có quyền tự làm hoặc thuê bên thứ ba thực hiện công việc đó chi phí này do Bên B chi trả. Trường hợp Bên B từ chối chi trả những chi phí này. Bên A có quyền thu giữ và thanh lý toàn bộ, máy móc thiết bị của Bên B để bù trừ vào khoản tiền Bên B phải bồi hoàn.

- Giữ bí mật thông tin và toàn bộ tài liệu liên quan đến hợp đồng theo quy định của pháp luật có liên quan đến bảo mật thông tin.

- Thông báo kịp thời cho Bên A về những thông tin tài liệu không đầy đủ không đảm bảo chất lượng có thể làm chậm trễ, cản trở đến công việc....

- Cung cấp nhân sự đạt những điều kiện về Năng lực theo quy định pháp luật.

- Nhân lực của Bên B (*theo danh sách tại phụ lục 2 đính kèm*) phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp đề xuất thay thế phải đảm bảo nhân sự thay thế có trình độ tương đương hoặc tốt hơn nhân sự được thay thế.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bên B phải cam kết giải quyết triệt để mọi rủi ro pháp lý và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên A.

- Bên B cam kết tiến hành công việc theo đúng khối lượng và tiến độ trong hợp đồng, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn đối với con người và thiết bị của bên B.

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị Hợp đồng: (Bằng chữ:). Giá trị hợp đồng đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan, các khoản chi phí đi lại, phụ cấp ăn ca để thực hiện quan trắc môi trường lao động. Chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Tạm ứng: Không tạm ứng nhưng Bên B vẫn đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc thi công theo hợp đồng.

3. Phương thức thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

b. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng và Bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ gồm các chứng từ sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán do Bên B phát hành;
- + Hóa đơn thuế VAT hợp lệ do Bên B phát hành;
- + Biên bản nghiệm thu công việc (chi tiết khối lượng công việc kèm theo);

- + Bảng giá trị đề nghị thanh toán;
- + Bảng tổng hợp giá trị thanh toán;
- + Chứng từ liên qua đến việc thực hiện quan trắc môi trường lao động theo Quy định hiện hành và do bên B phát hành;

d. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm thực hiện hợp đồng: Tại trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5- TKV, số 10 đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 8. Nghiệm thu

Bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được Bên A và Bên B ký xác nhận.

Điều 9. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau;

a. Bổ sung khối lượng dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo khối lượng được duyệt và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b. Thay đổi về chất lượng, các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 10. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng

1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp;

- Các trường hợp bất khả kháng.
- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.
- Các trường hợp khác hai bên thỏa thuận.

Trong những trường hợp này, mỗi Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải thông báo trước hoặc ngay sau khi tạm dừng Hợp đồng cho Bên kia biết bằng văn bản và trong một khoảng thời gian nhất định hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại này.

Trong trường hợp bất khả kháng thì thời gian tạm dừng Hợp đồng đúng bằng thời gian diễn ra bất khả kháng.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do hai bên thỏa thuận khắc phục.

2. Chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp:

- Chấm dứt bởi Bên A: Nếu xảy ra một trong các trường hợp sau, Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước ít nhất là 5 ngày:

+ Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này mà Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó;

+ Bên B rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể;

+ Xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 10 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể tiếp tục thực hiện được theo nhiệm vụ được duyệt.

- Chấm dứt bởi Bên B: Nếu xảy ra một trong các trường hợp sau, Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 5 ngày:

+ Bên A cố tình gây khó khăn trong quá trình lấy mẫu đo kiểm quan trắc và Bên A phải chịu mọi chi phí phát sinh lưu trú và đi lại cho Bên B.

+ Trong vòng 25 ngày kể từ ngày được Bên B thông báo về việc chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào của Hợp đồng này và đã có đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà Bên A vẫn không thanh toán; Bên A phải thực hiện khoản 2 điều 12 trước khi chấm dứt hợp đồng;

+ Xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 10 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó mà Bên B vẫn không thể tiếp tục thực hiện theo nhiệm vụ được duyệt.

Điều 11: Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải;

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia biết về sự việc bất khả kháng xảy ra trong vòng 02 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 12. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Nếu Bên B không đảm bảo chất lượng công việc hoặc thực hiện chậm trễ không đảm bảo thời gian được quy định của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A với mức phạt theo quy định, cụ thể như sau:

a. Phạt chậm thời gian quy định trong hợp đồng:

+ Vi phạm thời gian thực hiện Hợp đồng: Nếu Bên B không đảm bảo được thời gian đã ghi rõ trong hợp đồng. Bên A sẽ khấu trừ khỏi giá hợp đồng một khoản tiền tương đương với 2% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho 2 ngày chậm và trừ vào lần thanh toán kế tiếp cho đến khi Bên B hoàn thành tiến độ, tới một mức khấu trừ tối đa là tám phần trăm (8%) giá trị phần hợp đồng vi phạm thì Bên A sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.

+ Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian 8 ngày hoặc vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng, Bên A có quyền đề nghị chấm dứt hợp đồng và Bên B sẽ không được thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào.

b. Phạt Hợp đồng do không đảm bảo chất lượng công việc:

+ Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong Hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng theo Hợp đồng này phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại 100% cho Bên A và phạt bằng 8% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm về chất lượng.

Tổng các khoản phạt nói trên không quá 8% giá trị Hợp đồng.

- Trong thời gian thi công Bên B để xảy ra mất an toàn ngoài việc xử lý khắc phục bồi thường 100% hậu quả thì Bên B phải chịu phạt 5% giá trị hợp đồng trên mỗi vụ việc.

c. Phương thức phạt Hợp đồng:

Trong trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng và bị phạt theo điểm a) hoặc b) trên đây, Bên A sẽ khấu trừ tiền phạt Hợp đồng vào giá trị còn lại của Hợp đồng chưa thanh toán hoặc yêu cầu Bên B thanh toán cho Bên A phần giá trị phạt Hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản.

2. Đối với Bên A

Trường hợp Bên B đã nộp đủ hồ sơ thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Hợp đồng, Bên A không thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng thì Bên A phải bồi thường cho Bên B giá trị thiệt hại theo mức lãi suất vốn vay ngắn hạn thời hạn 6 tháng của Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị vi phạm.

Điều 13: Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1, hai bên sẽ tiến hành thương thảo làm cơ sở

ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản và nghĩa vụ đã nêu trong hợp đồng trên cơ sở tôn trọng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như các văn bản, quy định hiện hành của các ngành có thẩm quyền khác. Bên nào vi phạm gây thiệt hại về kinh tế cho phía bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra theo qui định hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc hai bên sẽ cùng bàn bạc trao đổi để giải quyết. Trường hợp không thể thương lượng được thì sau 30 ngày sẽ đưa ra xét xử tại Tòa kinh tế có thẩm quyền tại tỉnh Lâm Đồng. Phán quyết của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng hai bên có nghĩa vụ bắt buộc phải tuân theo. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xét xử do bên vi phạm trả, ngoại trừ trường hợp hai bên có qui định khác.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì khó khăn vướng mắc hai bên sẽ gặp nhau cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 07 bộ bằng tiếng việt, Bên A giữ 05 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ CHI PHÍ
V/v Thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2024
(Kèm theo hợp đồng số /2024/HĐSXKD-ĐN5 ngày /6/2024)

PHỤ LỤC 2:**Danh sách nhân sự thực hiện****(Kèm theo hợp đồng số: /2024/HĐSXKD-ĐN5 ngày tháng năm 2024)**